

# **Công ty Cổ phần Xi măng Bỉm Sơn**

Báo cáo tài chính hợp nhất

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP  
XI MĂNG VIỆT NAM  
CÔNG TY CP XI MĂNG BỈM SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **0631**/XMBS-TCKT  
V/v: Công bố thông tin

Bỉm Sơn, ngày 27 tháng 3 năm 2017

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên công ty: Công ty Cổ phần xi măng Bỉm Sơn
2. Mã chứng khoán: BCC
3. Địa chỉ trụ sở chính: Phường Ba Đình - Thị xã Bỉm Sơn - Tỉnh Thanh Hoá
4. Điện thoại: 037.3 824.242 Fax: 037.3 824.046
5. Người thực hiện công bố thông tin:

Ông: Lê Huy Quân - Kế toán trưởng Công ty

6. Nội dung của thông tin công bố:

Báo cáo tài chính riêng năm 2016 của Công ty Cổ phần xi măng Bỉm Sơn được lập ngày 27 tháng 03 năm 2017, bao gồm:

- Bảng cân đối kế toán
- Báo cáo kết quả kinh doanh
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- Thuyết minh Báo cáo tài chính.

7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ BCTC: [www.ximangbimson.com.vn](http://www.ximangbimson.com.vn)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu: V.Th; TCKT

**NGƯỜI THỰC HIỆN CBTT  
KẾ TOÁN TRƯỞNG**



**TL. TỔNG GIÁM ĐỐC  
KẾ TOÁN TRƯỞNG  
Lê Huy Quân**

# Công ty Cổ phần Xi măng Bỉm Sơn

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 46

# Công ty Cổ phần Xi măng Bỉm Sơn

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xi măng Bỉm Sơn (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 2800232620 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 1 tháng 5 năm 2006. Công ty cũng đã nhận được các Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 13 được cấp ngày 2 tháng 12 năm 2016.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là:

- ▶ sản xuất và kinh doanh xi măng, clinker, sản xuất các loại vật liệu xây dựng và phụ gia xi măng, chế biến khoáng sản để sản xuất xi măng; và
- ▶ bán lẻ xăng dầu.

Công ty có trụ sở chính tại Phường Ba Đình – Thị xã Bỉm Sơn – Tỉnh Thanh Hóa.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Việt Thắng	Chủ tịch
Ông Bùi Hồng Minh	Thành viên
Ông Ngô Sỹ Túc	Thành viên
Ông Vũ Văn Hoan	Thành viên
Ông Nguyễn Thế Lập	Thành viên

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2016
Ông Tạ Duy	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2016
Ông Hà Văn Diên	Thành viên	
Ông Nguyễn Đức Sơn	Thành viên	

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Ngô Sỹ Túc	Tổng Giám đốc	
Ông Vũ Văn Hoan	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Văn Châu	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Vũ Thế Hà	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 3 năm 2016
Ông Đỗ Tiến Trình	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 11 tháng 3 năm 2016

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Ngô Sỹ Túc, Tổng Giám đốc.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Xi măng Bỉm Sơn

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng Bỉm Sơn ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và công ty con. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty và công ty con có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty và công ty con sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và công ty con và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc: 

Tổng Giám đốc  
Ngô Sỹ Túc

Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2017



Building a better  
working world

Ernst & Young Vietnam Limited  
8th Floor, CornerStone Building  
16 Phan Chu Trinh Street  
Hoan Kiem District  
Hanoi, S.R. of Vietnam

Tel : + 84 4 3831 5100  
Fax: + 84 4 3831 5090  
ey.com

Số tham chiếu: 60998684/18489843-HN

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông và Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn ("Công ty") và công ty con (sau đây gọi chung là "Công ty và công ty con") được lập ngày 27 tháng 3 năm 2017 và được trình bày từ trang 5 đến trang 46, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.




Building a better  
working world

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

### Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



  
Bùi Anh Tuấn  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1067-2013-004-1



Trần Thu Hà  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2499-2013-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2017

Công ty Cổ phần Xi măng Bỉm Sơn

B01-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT  
ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>976.416.783.873</b>	<b>1.110.667.438.342</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>5</b>	<b>162.262.526.033</b>	<b>158.033.536.811</b>
111	1. Tiền		117.876.224.251	124.239.722.275
112	2. Các khoản tương đương tiền		44.386.301.782	33.793.814.536
<b>130</b>	<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>191.255.859.699</b>	<b>346.526.973.048</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	104.888.817.369	314.908.555.196
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	69.794.769.314	19.987.629.323
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	18.861.392.114	11.493.530.216
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6.1	(2.289.119.098)	(2.168.031.925)
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý		-	2.305.290.238
<b>140</b>	<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>8</b>	<b>605.911.632.594</b>	<b>585.658.770.946</b>
141	1. Hàng tồn kho		608.585.303.387	588.332.441.739
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(2.673.670.793)	(2.673.670.793)
<b>150</b>	<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>16.986.765.547</b>	<b>20.448.157.537</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	16.765.448.557	17.824.169.101
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		215.300.377	2.089.369.128
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		6.016.613	534.619.308
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>3.764.911.068.446</b>	<b>4.028.070.089.616</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>7</b>	<b>1.656.954.700</b>	<b>-</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác		20.769.201.260	19.112.246.560
219	2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		(19.112.246.560)	(19.112.246.560)
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>3.666.295.448.650</b>	<b>3.919.340.080.728</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	3.657.666.112.650	3.910.710.744.728
222	Nguyên giá		6.847.415.790.351	6.832.113.234.399
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(3.189.749.677.701)	(2.921.402.489.671)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	8.629.336.000	8.629.336.000
228	Nguyên giá		10.578.949.028	10.578.949.028
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.949.613.028)	(1.949.613.028)
<b>240</b>	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>11</b>	<b>37.894.479.737</b>	<b>43.469.109.222</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		37.894.479.737	43.469.109.222
<b>260</b>	<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>59.064.185.359</b>	<b>65.260.899.666</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	32.302.484.844	36.833.958.023
263	2. Thiết bị vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		16.215.173.395	16.215.173.395
269	3. Lợi thế thương mại	13	10.546.527.120	12.211.768.248
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>4.741.327.852.319</b>	<b>5.138.737.527.958</b>



Công ty Cổ phần Xi măng Bỉm Sơn

B01-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>2.801.703.304.666</b>	<b>3.424.409.566.623</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>2.726.020.231.773</b>	<b>2.686.046.107.212</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	949.930.203.233	866.404.203.877
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	31.376.452.946	3.578.764.084
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	67.289.964.828	80.027.518.526
314	4. Phải trả người lao động	17	73.344.014.252	79.343.333.143
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	51.370.049.730	34.472.872.085
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	34.917.334.037	31.037.861.537
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	1.501.305.254.391	1.578.623.733.758
321	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	19	2.155.230.571	1.436.820.380
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	20	14.331.727.785	11.120.999.822
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>75.683.072.893</b>	<b>738.363.459.411</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác		-	10.693.000
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	19	75.683.072.893	738.352.766.411
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>1.939.624.547.653</b>	<b>1.714.327.961.335</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>		<b>1.939.624.547.653</b>	<b>1.714.327.961.335</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu	21.1	1.100.100.540.000	956.613.970.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.100.100.540.000	956.613.970.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	21.1	57.006.601.053	57.006.601.053
418	3. Quỹ đầu tư phát triển	21.1	440.006.775.232	324.849.975.232
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	21.1	332.755.476.155	358.851.245.887
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước		76.287.875.887	86.476.791.577
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		256.467.600.268	272.374.454.310
429	5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	22	9.755.155.213	17.006.169.163
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>4.741.327.852.319</b>	<b>5.138.737.527.958</b>

*Phạm Thị Thu Hương*

*Lê Huy Quân*



*Ngô Sỹ Túc*

Người lập  
Phạm Thị Thu Hương

Kế toán trưởng  
Lê Huy Quân

Tổng Giám đốc  
Ngô Sỹ Túc

Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2017

Công ty Cổ phần Xi măng Bỉm Sơn

B02-DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	4.280.229.611.463	4.153.080.066.675
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	24.1	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	4.280.229.611.463	4.153.080.066.675
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	25	(3.417.723.237.173)	(3.366.121.146.022)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		862.506.374.290	786.958.920.653
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24.2	13.209.619.491	75.797.444.678
22	7. Chi phí tài chính	26	(117.562.755.696)	(147.753.215.654)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(114.005.354.695)	(146.621.082.449)
25	8. Chi phí bán hàng	27	(264.155.100.415)	(205.356.437.516)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	(172.871.638.308)	(165.723.483.555)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		321.126.499.362	343.923.228.606
31	11. Thu nhập khác	28	7.852.928.618	23.076.938.005
32	12. Chi phí khác	28	(14.855.361.171)	(18.242.994.645)
40	13. (Lỗ)/lợi nhuận khác	28	(7.002.432.553)	4.833.943.360
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		314.124.066.809	348.757.171.966
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	30.1	(64.703.480.491)	(83.219.650.490)
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		249.420.586.318	265.537.521.476
61	17. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		256.671.600.268	272.581.154.310
62	18. Lỗ sau thuế của cổ đông không kiểm soát	22	(7.251.013.950)	(7.043.632.834)
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	32	2.333	2.260
71	20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	32	2.333	2.260

*[Signature]*

*[Signature]*



Người lập  
Phạm Thị Thu Hương  
Thanh Hóa, Việt Nam

Kế toán trưởng  
Lê Huy Quân

Tổng Giám đốc  
Ngô Sỹ Túc

Ngày 27 tháng 3 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>314.124.066.808</b>	<b>348.757.171.966</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và phân bổ lợi thế thương mại		274.879.400.644	286.438.590.189
03	Các khoản dự phòng		121.087.173	18.345.565.523
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(5.393.983.846)	(40.491.528.846)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(885.828.040)	(2.807.714.037)
06	Chi phí lãi vay	26	114.005.354.695	146.621.082.449
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>696.850.097.434</b>	<b>756.863.167.244</b>
09	Giảm các khoản phải thu		209.181.053.890	80.238.775.250
10	Tăng hàng tồn kho		(20.252.861.647)	(140.395.665.969)
11	Tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		106.631.041.082	193.789.929.957
12	Giảm chi phí trả trước		5.590.193.723	26.450.307.042
14	Tiền lãi vay đã trả		(110.810.867.864)	(149.754.568.872)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(78.219.650.490)	(37.972.144.020)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(17.609.535.067)	(12.681.832.860)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>791.359.471.061</b>	<b>716.537.967.772</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(61.681.311.875)	(16.862.269.597)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		1.335.909.091	2.283.960.035
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	6.832.418.778
27	Tiền thu lãi tiền gửi ngân hàng		523.551.153	859.256.885
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(59.821.851.631)</b>	<b>(6.886.633.899)</b>

Công ty Cổ phần Xi măng Bỉm Sơn

B03-DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền thu từ đi vay		2.534.578.783.978	2.398.037.405.981
34	Tiền trả nợ gốc vay		(3.261.884.682.186)	(3.294.534.499.775)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(2.732.000)	(7.380.665.170)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(727.308.630.208)	(903.877.758.964)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		4.228.989.222	(194.226.425.091)
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		158.033.536.811	352.259.961.902
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	5	162.262.526.033	158.033.536.811

*[Handwritten signature]*

*[Handwritten signature]*



*[Handwritten signature]*

Người lập  
Phạm Thị Thu Hương

Kế toán trưởng  
Lê Huy Quân

Tổng Giám đốc  
Ngô Sỹ Túc

Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Xi măng Bỉm Sơn ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 2800232620 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 1 tháng 5 năm 2006. Công ty cũng đã nhận được các Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 13 được cấp ngày 2 tháng 12 năm 2016.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là:

- ▶ sản xuất và kinh doanh xi măng, clinker, sản xuất các loại vật liệu xây dựng và phụ gia xi măng, chế biến khoáng sản để sản xuất xi măng; và
- ▶ bán lẻ xăng dầu.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại Phường Ba Đình – Thị xã Bỉm Sơn – Tỉnh Thanh Hóa và các đơn vị hạch toán phụ thuộc sau:

<i>Tên</i>	<i>Địa chỉ</i>
Xí nghiệp Tiêu thụ Xi măng	Khu phố 6, Phường Lam Sơn, Thị xã Bỉm Sơn, Tỉnh Thanh Hóa
Chi nhánh Quảng Trị	Khu Công nghiệp Nam Đông Hà, Phường Đông Lương, Thành phố Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị

Số lượng nhân viên của Công ty và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 1.833 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 1.978 người).

### **Cơ cấu tổ chức**

Công ty có một công ty con là Công ty Cổ phần Xi măng Miền Trung ("CRC"). CRC là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0103011389 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 20 tháng 3 năm 2006 và các Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh với lần điều chỉnh lần thứ 15 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 7 tháng 4 năm 2015. CRC có trụ sở chính tại thôn Tân Hy, xã Bình Đông, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

Hoạt động chính trong năm của CRC là gia công xi măng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty nắm giữ 9.953.280 cổ phiếu, tương đương với 76,8% vốn chủ sở hữu trong công ty con này.

Từ tháng 5 năm 2016, CRC đã tạm dừng hoạt động sản xuất kinh doanh do phản ánh của người dân xung quanh về vấn đề môi trường. CRC đang trong quá trình phối hợp với UBND tỉnh để tìm hướng giải quyết vấn đề và quay lại hoạt động ổn định trong thời gian tới.

## 2. NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CƠ BẢN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, tổng nợ phải trả ngắn hạn của Công ty và công ty con là 2.726 tỷ đồng (trong đó vay ngắn hạn là 1.501 tỷ đồng), cao hơn tổng tài sản ngắn hạn với số tiền là 1.750 tỷ đồng. Theo đó, khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty phụ thuộc vào việc thu được lợi nhuận từ hoạt động trong tương lai và/hoặc thu xếp nguồn tài chính để phục vụ cho việc trả nợ.

Ban Tổng Giám đốc đã xây dựng kế hoạch kinh doanh và kế hoạch tài chính để Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn. Trên cơ sở đó, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng việc lập báo cáo tài chính hợp nhất theo cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### **3. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

#### **3.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

#### **3.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty và công ty con là Nhật ký chung.

#### **3.3 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty và công ty con áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

#### **3.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

#### **3.5 Cơ sở hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các Báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa công ty mẹ và công ty con, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. CƠ SỞ TRÌNH BÀY** (tiếp theo)

**3.5 Cơ sở hợp nhất** (tiếp theo)

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**4.2 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty và công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- |  |   |
|--|---|
| Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ và phụ tùng thay thế.      | - Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.   |
| Thành phẩm, hàng hóa và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang. | - Giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền. |

*Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty và công ty con dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**4.3 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty và công ty con dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo tài chính hợp nhất.

**4.4 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**4.5 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như một tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất được giao tại tỉnh Thanh Hóa, Nam Định và thành phố Hà Nội căn cứ theo các Quyết định của Ủy ban Nhân dân các tỉnh và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**4.6 *Khấu hao và hao mòn***

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc	5 - 30 năm
Máy móc, thiết bị	5 - 20 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 8 năm
Tài sản cố định khác	3 - 8 năm
Phần mềm máy tính	3 - 8 năm
Quyền sử dụng đất lâu dài	Không khấu hao

**4.7 *Chi phí đi vay***

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

**4.8 *Chi phí trả trước***

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ 2 đến 5 năm vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn;
- ▶ Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh quá lớn; và
- ▶ Các chi phí khác.

**4.9 *Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại***

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản và nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**4.9 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại (tiếp theo)**

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ, công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

**4.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty và công ty con đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**4.11 Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định**

Việc trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được thực hiện theo ngân sách chi phí sửa chữa lớn được Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam phê duyệt theo Quyết định số 1190/QĐ-VICEM vào ngày 14 tháng 6 năm 2016.

**4.12 Các khoản dự phòng**

Công ty và công ty con ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Công ty và công ty con có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

**4.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con thực hiện thanh toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**4.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**4.14 Phân chia lợi nhuận hợp nhất**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và công ty con và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty và công ty con trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và công ty con theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

*Quỹ đầu tư và phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty và công ty con.

*Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi hợp nhất cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

**4.15 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty và công ty con có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**4.16 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty và công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty và công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các niên độ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**4.16 Thuế (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty và công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế.

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty và công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	3.164.755.231	4.078.492.256
Tiền gửi ngân hàng	114.711.469.020	120.161.230.019
Các khoản tương đương tiền ( <i>Thuyết minh số 31</i> )	44.386.301.782	33.793.814.536
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>162.262.526.033</u></b>	<b><u>158.033.536.811</u></b>

Các khoản tương đương tiền là số dư tiền gửi của các hợp đồng ủy thác quản lý dòng tiền được ký kết giữa Công ty với Công ty Tài chính Cổ phần Xi măng, một đơn vị thành viên của Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam ("Tổng Công ty"), có kỳ hạn dưới 3 tháng với mức lãi suất từ 1%/năm đến 2,5%/năm.

**Các thông tin bổ sung về lưu chuyển tiền tệ:**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>Số tiền đi vay thực thu trong năm</b>		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	2.534.578.783.978	2.398.037.405.981
<b>Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm</b>		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(3.261.884.682.186)	(3.294.534.499.775)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

**6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
Phải thu ngắn hạn từ khách hàng	32.972.797.543	298.027.602.534
Phải thu ngắn hạn từ các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	71.916.019.826	16.880.952.662
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>104.888.817.369</b>	<b>314.908.555.196</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(2.289.119.098)	(2.168.031.925)

**6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho người bán	69.794.769.314	13.670.516.304
- Công ty Loesche GmbH	34.595.884.654	-
- Trả trước cho người bán khác	35.198.884.660	13.670.516.304
Trả trước cho các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	-	6.317.113.019
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>69.794.769.314</b>	<b>19.987.629.323</b>

**7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>				
Tạm ứng tiền và vật tư cho nhân viên	6.096.534.916	-	4.529.247.095	-
Phải thu khác	12.764.857.198	-	6.964.283.121	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>18.861.392.114</b>	<b>-</b>	<b>11.493.530.216</b>	<b>-</b>
Trong đó:				
Phải thu khác	17.553.146.736	-	11.390.544.085	-
Phải thu khác các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	1.308.245.378	-	102.986.131	-
<b>Dài hạn</b>				
Phải thu về chi phí đầu tư của dự án Cảng Lèn (*)	19.112.246.560	(19.112.246.560)	19.112.246.560	(19.112.246.560)
Ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường mỏ Tam Diên	1.656.954.700	-	-	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>20.769.201.260</b>	<b>(19.112.246.560)</b>	<b>19.112.246.560</b>	<b>(19.112.246.560)</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**8. HÀNG TỒN KHO**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm (Trình bày lại)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	340.919.867.725	(2.673.670.793)	358.920.035.618	(2.673.670.793)
Công cụ, dụng cụ	7.178.092.306	-	6.474.584.752	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	239.973.518.697	-	165.586.405.176	-
Thành phẩm	20.513.824.659	-	15.365.713.777	-
Hàng hóa	-	-	58.497.645	-
Hàng gửi đi bán	-	-	41.927.204.771	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>608.585.303.387</u></b>	<b><u>(2.673.670.793)</u></b>	<b><u>588.332.441.739</u></b>	<b><u>(2.673.670.793)</u></b>

## Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 9. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

Nguyên giá:	Nhà xưởng, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Đơn vị tính: VND
Số dư đầu năm (Trình bày lại)	1.765.188.671.513	4.857.617.235.936	179.921.936.108	21.019.117.035	8.366.273.807	6.832.113.234.399
- Mua trong năm	460.351.818	1.812.713.818	535.000.000	3.318.279.517	179.665.893	6.306.011.046
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	15.211.595.328	-	-	-	15.211.595.328
- Thanh lý, nhượng bán	(4.158.299.666)	(663.912.203)	-	(1.392.838.553)	-	(6.215.050.422)
Số dư cuối năm	1.761.490.723.665	4.873.977.632.879	180.456.936.108	22.944.557.999	8.545.939.700	6.847.415.790.351
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	305.352.111.253	1.213.573.531.756	80.979.077.720	10.005.479.653	539.208.000	1.610.449.408.382
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>						
Số dư đầu năm (Trình bày lại)	676.917.099.859	2.089.211.936.133	137.412.833.080	14.222.768.401	3.637.852.198	2.921.402.489.671
- Khấu hao trong năm	60.034.960.820	201.135.355.566	10.381.563.335	1.662.279.795	374.446.732	273.588.606.248
- Thanh lý, nhượng bán	(3.191.776.168)	(656.803.497)	-	(1.392.838.553)	-	(5.241.418.218)
Số dư cuối năm	733.760.284.511	2.289.690.488.202	147.794.396.415	14.492.209.643	4.012.298.930	3.189.749.677.701
<b>Giá trị còn lại:</b>						
Số dư đầu năm (Trình bày lại)	1.088.271.571.654	2.768.405.299.803	42.509.103.028	6.796.348.634	4.728.421.609	3.910.710.744.728
Số dư cuối năm	1.027.730.439.154	2.584.287.144.677	32.662.539.693	8.452.348.356	4.533.640.770	3.657.666.112.650

Công ty và công ty con đã sử dụng các tài sản là dây chuyền thiết bị, nhà xưởng và công trình phụ trợ hình thành từ Dự án Dây chuyền mới và Dự án đầu tư nhà máy Xi măng Đại Việt làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay dài hạn tại các ngân hàng thương mại (Thuyết minh số 19).

Như được trình bày tại Thuyết minh số 1, từ tháng 5 năm 2016, Công ty Cổ phần Xi măng Miền Trung đã tạm dừng hoạt động. Giá trị còn lại của số tài sản đang tạm thời không sử dụng tại công ty con này là khoảng 149 tỷ đồng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Quyền sử dụng đất lâu dài</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>			
Số dư đầu năm	8.629.336.000	1.949.613.028	10.578.949.028
Số dư cuối năm	8.629.336.000	1.949.613.028	10.578.949.028
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã hao mòn hết</i>	-	1.949.613.028	1.949.613.028
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>			
Số dư đầu năm	-	1.949.613.028	1.949.613.028
Số dư cuối năm	-	1.949.613.028	1.949.613.028
<b>Giá trị còn lại:</b>			
Số dư đầu năm	8.629.336.000	-	8.629.336.000
Số dư cuối năm	8.629.336.000	-	8.629.336.000

**11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Dự án mở Tam Diên	17.690.072.938	17.690.073.938
Dự án khu điều hành VICEM	9.999.241.293	9.612.877.657
Hệ thống băng tải vận chuyển	-	5.824.660.792
Dự án chuyển đổi công nghệ từ giai đoạn nghiền xi măng đến giai đoạn đóng bao	3.599.215.027	2.477.121.342
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	6.605.950.479	7.864.375.493
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>37.894.479.737</b>	<b>43.469.109.222</b>

**12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm (Trình bày lại)</i>
<b>Ngắn hạn:</b>		
Chi phí sửa chữa lò	14.029.530.021	14.597.535.724
Chi phí sửa chữa máy nghiền	2.255.310.653	3.226.633.377
Chi phí trả trước khác	480.607.883	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>16.765.448.557</b>	<b>17.824.169.101</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC** (tiếp theo)

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm (Trình bày lại)</i>
<b>Dài hạn:</b>		
Phí sử dụng số liệu, thông tin về kết quả điều tra, thăm dò khoáng sản (*)	13.373.087.710	13.324.851.860
Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng – Công ty Cổ phần Xi măng Miền Trung	9.892.422.628	10.024.084.702
Chi phí sửa chữa thay thế vỏ con lăn và máy nghiền	6.243.551.894	2.999.194.163
Chi phí sửa chữa lớn lò nung	-	248.329.173
Chi phí sửa chữa nhà máy Xi măng Đại Việt	412.250.119	3.814.136.231
Công cụ dụng cụ và thiết bị xuất dùng	2.381.172.493	5.088.397.338
Chi phí trả trước khác	-	1.334.964.556
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>32.302.484.844</u></b>	<b><u>36.833.958.023</u></b>

(\*) Đây là khoản trả trước chi phí sử dụng số liệu, thông tin về kết quả điều tra, thăm dò khoáng sản của Nhà nước đối với các mỏ đá vôi, đất sét Yên Duyên, Cổ Đàm và Tam Diên tại thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa theo Quyết định số 1677/QĐ-BTNMT được ban hành bởi Bộ Tài nguyên và Môi trường vào ngày 29 tháng 6 năm 2015. Công ty thực hiện phân bổ các khoản chi phí này kể từ thời điểm nhận được quyết định này cho đến hết thời điểm khai thác của các mỏ đá vôi, đất sét nêu trên.

**13. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Lợi thế thương mại từ giao dịch mua Công ty Cổ phần Xi măng Miền Trung</i>	
<b>Nguyên giá:</b>		
Số đầu năm		16.652.411.248
Số cuối năm		16.652.411.248
<b>Giá trị phân bổ lũy kế:</b>		
Số đầu năm		4.440.643.000
Phân bổ trong năm		1.665.241.128
Số cuối năm		6.105.884.128
<b>Giá trị còn lại:</b>		
Số đầu năm		12.211.768.248
Số cuối năm		10.546.527.120

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Đơn vị tính: VND	
	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ	
	Số cuối năm	Số đầu năm (trình bày lại)
Phải trả cho người bán		
- Công ty TNHH Quang Trung	342.387.345.915	403.041.814.877
- Phải trả đối tượng khác	53.676.418.483	40.325.154.951
	288.710.927.432	362.716.659.926
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	607.542.857.318	463.362.389.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>949.930.203.233</b>	<b>866.404.203.877</b>

**15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Người mua trả tiền trước		
- Doanh nghiệp Tư nhân Hồng Phượng	31.213.089.873	3.578.764.084
- Công ty TNHH Hoàng Hà Sơn	4.479.452.423	-
- Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Ngọc Loan	4.019.678.650	-
- Công ty TNHH Ngọc Mươi	3.283.366.608	-
- Đối tượng khác	3.804.122.126	-
	15.626.470.066	3.578.764.084
Các bên liên quan trả tiền trước (Thuyết minh số 31)	163.363.073	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>31.376.452.946</b>	<b>3.578.764.084</b>

**16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Đơn vị tính: VND			
	Số đầu năm (Trình bày lại)	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	2.854.297.941	61.017.279.921	(61.943.017.194)	1.928.560.668
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 30.1)	73.166.822.379	64.703.480.491	(78.219.650.490)	59.650.652.380
Thuế thu nhập cá nhân	680.519.669	1.892.183.917	(653.765.928)	1.918.937.658
Thuế tài nguyên	1.849.162.776	24.960.171.172	(24.416.200.081)	2.393.133.867
Phí bảo vệ môi trường	1.421.750.761	15.387.915.647	(15.465.951.153)	1.343.715.255
Các loại thuế và phí khác	54.965.000	5.771.228.861	(5.771.228.861)	54.965.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>80.027.518.526</b>	<b>173.732.260.009</b>	<b>186.469.813.707</b>	<b>67.289.964.828</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
Phí cấp quyền khai thác khoáng sản	20.639.454.819	11.290.798.358
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	7.028.769.576	6.732.818.867
Chi phí lãi vay	11.528.019.700	8.333.532.869
Chi phí vận chuyển	5.549.623.930	120.132.644
Chi phí vỏ bao xi măng	-	4.370.760.013
Chi phí đá khai thác thuê ngoài	6.214.382.481	-
Chi phí khác	409.799.224	3.624.829.334
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>51.370.049.730</b>	<b>34.472.872.085</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Chi phí phải trả ngắn hạn bên liên quan (Thuyết minh số 31)</i>	-	4.370.760.013
<i>Chi phí phải trả ngắn hạn khác</i>	51.370.049.730	30.102.112.072

**18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Phải trả tiền mua cổ phần cho các cổ đông của Công ty Cổ phần Xi măng Miền Trung	6.838.622.343	7.838.622.343
Phải trả về vật tư ứng trước	-	3.054.889.025
Quỹ phúc lợi xã hội đóng góp bởi người lao động	1.723.636.378	2.546.715.793
Tài sản thừa chờ xử lý	1.958.957.459	1.958.957.459
Phải trả về cổ tức	1.824.168.118	1.826.900.118
Các khoản phải trả, phải nộp khác	22.571.949.739	13.811.776.799
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>34.917.334.037</b>	<b>31.037.861.537</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả khác</i>	25.510.666.121	27.262.179.675
<i>Phải trả khác cho các bên liên quan (Thuyết minh số 31)</i>	9.406.667.916	3.775.681.862

## Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
<b>Vay ngắn hạn:</b>							
Vay ngân hàng	1.565.808.035.395	1.565.808.035.395	3.187.318.202.819	(3.264.636.682.186)	1.488.489.556.028	1.488.489.556.028	
Vay cá nhân	12.815.698.363	12.815.698.363	-	-	12.815.698.363	12.815.698.363	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.578.623.733.758</b>	<b>1.578.623.733.758</b>	<b>3.187.318.202.819</b>	<b>(3.264.636.682.186)</b>	<b>1.501.305.254.391</b>	<b>1.501.305.254.391</b>	
<b>Vay dài hạn:</b>							
Vay ngân hàng	738.352.766.411	738.352.766.411	15.693.737.700	(678.363.431.218)	75.683.072.893	75.683.072.893	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>738.352.766.411</b>	<b>738.352.766.411</b>	<b>15.693.737.700</b>	<b>(678.363.431.218)</b>	<b>75.683.072.893</b>	<b>75.683.072.893</b>	

#### 19.1 Các khoản vay ngắn hạn từ cá nhân

Chi tiết khoản vay ngắn hạn từ cá nhân được trình bày như sau:

Bên cho vay	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất/năm	Hình thức đảm bảo
Bà Nguyễn Thị Lâm	12.815.698.363	Đáo hạn vào ngày 16 tháng 4 năm 2012 và tiếp tục được gia hạn nếu không có thông báo từ bên cho vay.	Lãi suất điều chỉnh theo lãi suất ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Lãi suất trong năm từ 5,5%/năm.	Không có
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>12.815.698.363</b>			

## Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

#### 19.2 Các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm		Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
	Tương đương VND	Nguyên tệ EUR			
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bim Sơn	574.871.428.054	-	Thời hạn cho vay mỗi Khế ước nhận nợ không quá 6 tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 28 tháng 6 năm 2017. Lãi vay trả hàng tháng.	Lãi suất thả nổi theo thông báo của ngân hàng trong từng thời kỳ. Lãi suất trong năm từ 5% đến 5,4%.	Không có
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bim Sơn	229.421.774.826	-	Thời hạn vay cho mỗi khế ước nhận nợ từ 6 tháng đến 8 tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn vào ngày 22 tháng 4 năm 2017. Lãi vay trả hàng tháng.	Lãi suất thả nổi theo thông báo của ngân hàng trong từng thời kỳ, lãi suất trong năm là 5,5%	Không có
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Sầm Sơn	275.138.057.602	-	Thời hạn vay cho mỗi Khế ước nhận nợ không quá 6 tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn vào ngày 28 tháng 6 năm 2017. Lãi vay trả hàng tháng.	Lãi suất thả nổi theo thông báo của ngân hàng trong từng thời kỳ. Lãi suất trong năm từ 5% đến 5,4%.	Không có
Ngân hàng TMCP Quốc tế VIB - Chi nhánh Bim Sơn	52.448.666.685	-	Thời hạn vay cho mỗi Khế ước nhận nợ không quá 6 tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn vào ngày 29 tháng 6 năm 2017. Lãi vay trả hàng tháng.	Lãi suất thả nổi theo thông báo của ngân hàng trong từng thời kỳ. Lãi suất trong năm từ 4,7% đến 5,2%.	Không có
Nhóm các ngân hàng. Trong đó, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bim Sơn là ngân hàng đầu mối – Vay dài hạn đến hạn trả	236.697.834.302	9.807.244	Gốc vay được trả trong vòng 17 kỳ bán niên liên tiếp bằng nhau vào các ngày thanh toán gốc, bắt đầu từ ngày 5 tháng 9 năm 2009. Lãi được trả theo quý.	Đối với khoản vay bằng VND, lãi suất trong năm bằng tổng lãi suất tham chiếu VND cộng biên độ 2,9%/năm. Đối với khoản vay bằng EUR, lãi suất trong năm bằng tổng lãi suất tham chiếu EUR cộng biên độ 3,5%/năm.	Toàn bộ tài sản của Dự án Dây chuyền mới hình thành sau đầu tư.
	101.470.270.749				

## Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

#### 19.2 Các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau: (tiếp theo)

Ngân hàng	Số cuối năm		Hiện trạng	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
	Tương đương VND	Nguyên tệ EUR				
	Số dư đến hạn trả nhưng chưa trả					
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Quảng Ngãi – Vay dài hạn đến hạn trả của công ty con	5.000.000.000	-	Ngân hàng gửi công văn đòi nợ	Gốc vay được trả hàng quý, bắt đầu từ ngày 25 tháng 3 năm 2013 đến ngày 25 tháng 12 năm 2017.	Lãi suất thả nổi theo thông báo của ngân hàng trong từng thời kỳ. Lãi suất trong năm là 9,6%/năm. Lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn	Tài sản hình thành sau đầu tư thuộc dự án xây dựng Nhà máy Xi măng Đại Việt.
Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Quảng Ngãi – Vay dài hạn đến hạn trả của công ty con	9.632.000.000	-	Ngân hàng gửi công văn đòi nợ	Gốc vay được trả hàng tháng, bắt đầu từ năm 2012 đến tháng 12 năm 2017. Lãi vay được trả hàng quý.	Lãi suất thả nổi theo thông báo của ngân hàng trong từng thời kỳ. Lãi suất trong năm từ 9,2% đến 10,5%/năm. Lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn	Tài sản hình thành sau đầu tư thuộc dự án xây dựng Nhà máy Xi măng Đại Việt.
Ngân hàng TMCP An Bình – Chi nhánh Đà Nẵng – Vay dài hạn đến hạn trả của công ty con	3.809.523.810	-	Ngân hàng gửi đơn kiện đòi nợ ra Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn	Gốc vay được trả hàng quý, bắt đầu từ ngày 25 tháng 4 năm 2013 đến ngày 25 tháng 10 năm 2017. Lãi vay được trả hàng quý.	Lãi suất thả nổi theo thông báo của ngân hàng trong từng thời kỳ. Lãi suất trong năm là 9,8%/năm. Lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn	Quyền sử dụng đất của các cá nhân là cổ đông của công ty con tại Lô 87.1-25 - Khu đô thị mới phía Tây, phường Thanh Bình, thành phố Hải Dương.
	<b>1.488.489.556.028</b>	<b>9.807.244</b>				

# Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

### 19.3 Các khoản vay ngân hàng dài hạn

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
	<i>Tương đương VND</i>			
Nhóm các ngân hàng. Trong đó, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bim Sơn là ngân hàng đầu mối	15.693.737.700	Gốc vay được trả vào ngày 5 tháng 3 năm 2018. Lãi được trả theo quý.	Lãi suất trong năm bằng tổng lãi suất tham chiếu VND cộng biên độ 2,9%/năm.	Toàn bộ tài sản của Dự án Dây chuyền mới hình thành sau đầu tư.
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Quảng Ngãi	40.400.000.000	Gốc vay được trả hàng quý, bắt đầu từ ngày 25 tháng 3 năm 2018 đến 25 tháng 3 năm 2021. Lãi vay được trả hàng quý.	Lãi suất trong năm là 9,6%/năm, được trả hàng quý.	Tài sản hình thành sau đầu tư thuộc dự án xây dựng Nhà máy Xi măng Đại Việt - Công ty Cổ phần Xi măng Miền Trung.
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ngãi	7.418.859.003	Gốc vay được trả hàng tháng, bắt đầu từ năm 2012 đến tháng 6 năm 2018. Lãi vay được trả theo quý, điều chỉnh từng tháng.	Lãi suất thả nổi theo thông báo của ngân hàng trong từng thời kỳ. Lãi suất trong năm từ 9,2% đến 10,5%. Lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn	Tài sản hình thành sau đầu tư thuộc dự án xây dựng Nhà máy Xi măng Đại Việt.
Ngân hàng TMCP An Bình – Chi nhánh Đà Nẵng	12.170.476.190	Gốc vay được trả hàng quý, bắt đầu từ ngày 25 tháng 4 năm 2018 đến ngày 25 tháng 10 năm 2021.	Lãi suất thả nổi theo thông báo của ngân hàng trong từng thời kỳ. Lãi suất trong năm là 9,8%/năm.	Quyền sử dụng đất của các cá nhân là cổ đông của Công ty Cổ phần Xi măng Miền Trung tại Lô 87.1-25 - Khu đô thị mới phía Tây, phường Thanh Bình, thành phố Hải Dương.

**TỔNG CỘNG** **75.683.072.893**



## Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 20. QUỸ KHEN THƯỜNG, PHÚC LỢI

Số đầu năm  
Trích quỹ trong năm (Thuyết minh số 21.1)  
Sử dụng quỹ trong năm  
Số cuối năm

Đơn vị tính: VND	
Năm nay	Năm trước
11.120.999.822	-
23.920.000.000	21.735.000.000
(20.709.272.037)	(10.614.000.178)
<b>14.331.727.785</b>	<b>11.120.999.822</b>

## Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

#### 21.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn góp	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
<b>Năm trước</b>					<b>Tổng cộng</b>
Số đầu năm	956.613.970.000	57.006.601.053	305.217.975.232	128.233.738.993	1.447.072.285.278
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	272.581.154.310	272.581.154.310
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	19.632.000.000	(19.632.000.000)	-
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(21.735.000.000)	(21.735.000.000)
- Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	(206.700.000)	(206.700.000)
				(389.947.416)	(389.947.416)
Số cuối năm (Trình bày lại)	956.613.970.000	57.006.601.053	324.849.975.232	358.851.245.887	1.697.321.792.172
<b>Năm nay</b>					
Số đầu năm (Trình bày lại)	956.613.970.000	57.006.601.053	324.849.975.232	358.851.245.887	1.697.321.792.172
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	256.671.600.268	256.671.600.268
- Trích quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-	115.156.800.000	(115.156.800.000)	-
- Trả cổ tức bằng cổ phiếu (**)	143.486.570.000	-	-	(143.486.570.000)	-
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	(23.500.000.000)	(23.500.000.000)
- Trích quỹ khen thưởng điều hành (*)	-	-	-	(420.000.000)	(420.000.000)
- Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát	-	-	-	-	-
				(204.000.000)	(204.000.000)
Số cuối năm	1.100.100.540.000	57.006.601.053	440.006.775.232	332.755.476.155	1.929.869.392.440

(\*) Việc trích lập các quỹ từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2015 được thực hiện theo Nghị quyết số 09/16/NQ-ĐHĐCĐ2016 của Đại hội đồng Cổ đông thường niên của Công ty vào ngày 15 tháng 4 năm 2016.

(\*\*) Cũng theo Nghị quyết trên, Công ty công bố chi trả cổ tức bằng cổ phiếu theo tỷ lệ 15% mệnh giá của tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)

**21.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Chi tiết cổ phiếu của chủ sở hữu Công ty như sau:

	Số cuối năm			Số đầu năm			Đơn vị tính: VND
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	
Vốn góp cổ đông	1.100.100.540.000	1.100.100.540.000	-	956.613.970.000	956.613.970.000	-	
Thặng dư vốn cổ phần	57.006.601.053	57.006.601.053	-	57.006.601.053	57.006.601.053	-	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.157.107.141.053</b>	<b>1.157.107.141.053</b>	<b>-</b>	<b>1.013.620.571.053</b>	<b>1.013.620.571.053</b>	<b>-</b>	

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

Cổ đông	Vốn điều lệ đã góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam (công ty mẹ)	804.678.710.000	73
Các cổ đông khác	295.421.830.000	27
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.100.100.540.000</b>	<b>100</b>

**21.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận**

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu</b>		
Số đầu năm	956.613.970.000	956.613.970.000
Vốn góp tăng trong năm	143.486.570.000	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Số cuối năm	1.100.100.540.000	956.613.970.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>		
Cổ tức cho năm 2015 (Trả cổ tức bằng cổ phiếu theo tỷ lệ 15% trên mệnh giá tổng số lượng cổ phần đang lưu hành)	143.486.570.000	-

**21.4 Cổ tức**

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Cổ tức đã công bố và đã chia trong năm</b>		
<i>Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông</i>		
Cổ tức cho năm 2015: 15% trên mệnh giá tổng số lượng cổ phần đang lưu hành	143.486.570.000	-
<b>Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm và chưa được ghi nhận là nợ phải trả vào ngày 31 tháng 12</b>		
<i>Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông</i>		
	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)

**21.5 Cổ phiếu**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị (VND)	Số lượng	Giá trị (VND)
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	110.010.054	1.100.100.540.000	95.661.397	956.613.970.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	110.010.054	1.100.100.540.000	95.661.397	956.613.970.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>110.010.054</i>	<i>1.100.100.540.000</i>	<i>95.661.397</i>	<i>956.613.970.000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	110.010.054	1.100.100.540.000	95.661.397	956.613.970.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>110.010.054</i>	<i>1.100.100.540.000</i>	<i>95.661.397</i>	<i>956.613.970.000</i>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>110.010.054</u></b>	<b><u>1.100.100.540.000</u></b>	<b><u>95.661.397</u></b>	<b><u>956.613.970.000</u></b>

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND (2015: 10.000 VND)

**22. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT**

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	17.006.169.163	24.049.801.997
Lỗ thuộc về cổ đông không kiểm soát trong năm	(7.251.013.950)	(7.043.632.834)
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>9.755.155.213</u></b>	<b><u>17.006.169.163</u></b>

**23. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ:		
- Đô la Mỹ (USD)	214	213
- Euro (EUR)	513	1.252

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**24. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

**24.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Doanh thu bán xi măng	3.916.361.870.254	3.829.981.836.414
Doanh thu bán clinker	352.565.477.592	314.452.434.642
Doanh thu bán xăng dầu	897.282.882	5.159.320.686
Doanh thu từ dịch vụ gia công	-	2.546.379.000
Doanh thu bán phế liệu	10.404.980.735	940.095.933
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>4.280.229.611.463</u></b>	<b><u>4.153.080.066.675</u></b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu từ các đơn vị khác</i>	<i>3.461.027.051.776</i>	<i>3.282.415.932.553</i>
<i>Doanh thu từ bên liên quan (Thuyết minh số 31)</i>	<i>819.202.559.687</i>	<i>870.664.134.122</i>

**24.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi tiền gửi	523.551.153	859.256.885
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	12.682.237.595	74.935.683.846
Khác	3.830.743	2.503.947
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>13.209.619.491</u></b>	<b><u>75.797.444.678</u></b>

**25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước (Trình bày lại)</i>
Giá vốn xi măng	3.059.366.346.354	3.069.589.437.192
Giá vốn clinker	356.774.629.126	288.833.561.545
Giá vốn xăng dầu	849.480.491	4.891.116.846
Giá vốn dịch vụ gia công	-	1.923.348.689
Giá vốn khác	732.781.202	883.681.750
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>3.417.723.237.173</u></b>	<b><u>3.366.121.146.022</u></b>

**26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí lãi vay	114.005.354.695	146.621.082.449
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	3.557.401.001	-
Chi phí tài chính khác	-	1.132.133.205
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>117.562.755.696</u></b>	<b><u>147.753.215.654</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước (Trình bày lại)</i>
<b>Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm:</b>		
Chi phí vận chuyển và ủy thác xuất khẩu	139.732.208.753	115.367.227.606
Chi phí hỗ trợ, chuyển giao bí quyết tiêu thụ sản phẩm	29.164.220.391	24.515.981.505
Chi phí phát triển thị trường	31.554.472.835	-
Chi phí nhân công	21.277.570.615	21.626.594.755
Chi phí dịch vụ mua ngoài	31.220.263.477	29.668.439.266
Chi phí bán hàng khác	11.206.364.344	14.178.194.384
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>264.155.100.415</u></b>	<b><u>205.356.437.516</u></b>
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm:</b>		
Chi phí nhân công	69.719.524.912	49.485.108.537
Chi phí hỗ trợ quản trị doanh nghiệp	29.164.220.391	22.904.575.799
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.133.268.204	6.132.511.270
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.670.633.879	5.600.314.135
Dự phòng phải thu khó đòi	-	17.759.988.842
Chi phí bằng tiền khác	57.183.990.922	63.840.984.972
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>172.871.638.308</u></b>	<b><u>165.723.483.555</u></b>

**28. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước (Trình bày lại)</i>
<b>Thu nhập khác</b>	<b>7.852.928.618</b>	<b>23.076.938.005</b>
Thu từ cung cấp điện	2.078.256.119	7.667.876.486
Thu từ phạt vi phạm hợp đồng	2.742.529.385	1.652.245.790
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	362.276.887	1.888.131.819
Thu từ dịch vụ vận chuyển	-	4.209.928.329
Thu từ bán nguyên vật liệu, phế liệu	697.630.000	3.524.297.285
Thu nhập khác	1.972.236.227	4.134.458.296
<b>Chi phí khác</b>	<b>14.855.361.171</b>	<b>18.242.994.645</b>
Giá vốn cung cấp điện	2.080.279.125	7.672.664.511
Chi phí sản xuất cố định trong giai đoạn ngừng sản xuất	10.581.701.697	6.015.871.481
Các khoản phạt	244.940.207	928.476.176
Trích khấu hao hệ thống làm kín đầu lò năm 2014	-	2.383.362.651
Chi phí khác	1.948.440.142	1.242.619.826
<b>(LỖ)/LỢI NHUẬN KHÁC THUẬN</b>	<b><u>(7.002.432.553)</u></b>	<b><u>4.833.943.360</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**29. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.721.546.183.737	2.087.135.223.545
Chi phí nhân công	340.951.584.369	375.929.422.140
Chi phí khấu hao tài sản cố định	274.879.400.641	282.049.298.557
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.147.041.244.407	669.401.817.430
Chi phí khác	410.163.967.362	454.092.321.279
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.894.582.380.516</b>	<b>3.868.608.082.951</b>

**30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty và công ty con là 20% lợi nhuận chịu thuế (năm 2015: 22%).

Các quyết toán thuế của Công ty và công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất sau đó có thể bị thay đổi về sau theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**30.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành**

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	64.703.480.491	83.219.650.490
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>64.703.480.491</b>	<b>83.219.650.490</b>

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>314.124.066.808</b>	<b>348.757.171.966</b>
Thuế TNDN theo thuế suất 20% (năm trước: 22%)	62.824.813.362	76.726.577.833
<b>Các điều chỉnh tăng</b>		
Phân bổ lợi thế thương mại	333.048.227	366.353.048
Các khoản chi không liên quan tới doanh thu, thu nhập chịu thuế	-	139.677.440
Các khoản tiền phạt	48.988.040	204.264.759
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	-	4.204.694.243
Lỗi tính thuế của công ty con	3.991.895.825	6.063.302.888
Khấu hao trong giai đoạn ngừng sản xuất	1.838.548.615	586.865.521
Các khoản điều chỉnh tăng khác	466.857.727	471.222.917
<b>Các điều chỉnh giảm</b>		
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện năm trước	-	(413.600.384)
Thay đổi trong dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(4.800.671.305)	(5.129.707.775)
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b>64.703.480.491</b>	<b>83.219.650.490</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**30.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

**30.3 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận**

**Lỗ chuyển sang từ năm trước**

Công ty và công ty con được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty và công ty con có các khoản lỗ lũy kế có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế (*)	Đã chuyển lỗ đến ngày 31/12/2016	Không được chuyển lỗ	Đơn vị tính: VND
					Chưa chuyển lỗ tại ngày 31/12/2016
2013	2018	26.320.415.962	(1.429.928.879)	-	24.890.487.083
2015	2020	27.560.467.673	-	-	27.560.467.673
2016	2021	19.959.479.127	-	-	21.677.454.066
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>73.840.362.762</b>	<b>(1.429.928.879)</b>	<b>-</b>	<b>74.128.408.822</b>

(\*) Đây là các khoản lỗ tính thuế theo tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp của công ty con và chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, công ty con của Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ này do không thể dự tính được lợi nhuận chịu thuế trong tương lai tại thời điểm này.



## Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty và công ty con với các bên liên quan trong năm bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>	<i>Đơn vị tính: VND</i>
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam ("Tổng Công ty")	Công ty mẹ	Doanh thu bán xi măng và clinker Chi phí mua nguyên vật liệu và vật tư sản xuất xi măng	553.043.407.561	609.243.344.560	
Công ty Cổ phần Vicem Vật tư Vận tải Xi măng	Cùng Tổng Công ty	Phí vận chuyển và ủy thác xuất khẩu Chi phí hỗ trợ, chuyển giao bí quyết tiêu thụ sản phẩm và quản trị doanh nghiệp (*) Đóng góp từ thiện, ủng hộ và chi phí khác	147.877.772.680 93.449.258.977	135.253.978.934 104.434.869.955	
Công ty Cổ phần Vicem Bao bi Xi măng Bút Sơn	Cùng Tổng Công ty	Mua đá bazan và than cám	58.328.142.002 3.000.000.000	47.435.013.972 6.230.000.000	
Công ty Cổ phần Vicem Thạch cao Xi măng	Cùng Tổng Công ty	Mua bao bi, vật tư sản xuất Doanh thu bán điện	604.846.010.009 230.716.940.480	701.128.288.638 210.372.303.660 7.549.130.838	
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	Cùng Tổng Công ty	Mua bao bi, vật tư sản xuất	2.750.000.000	1.339.050.909	
Công ty TNHH Một thành viên Xi măng Tam Điệp	Cùng Tổng Công ty	Doanh thu bán xi măng Chi phí gia công xi măng Mua nguyên liệu sản xuất xi măng	158.163.280.204 3.192.936.107 955.639.601	175.105.035.230 6.385.612.580 4.832.745.000	
		Mua clinker Doanh thu bán clinker Chi phí gia công xi măng Vay clinker Doanh thu bán xi măng	118.558.198.404 42.343.081.636 13.673.607.239 10.591.589.001 1.936.027.606	- - 19.935.087.690 - 12.577.543.390	
		Chi phí gia công xi măng	401.876.457.325	379.465.878.523	

## Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 31. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Đơn vị tính: VND
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	Cùng Tổng Công ty Bán Clinker		25.959.563.632	Năm trước
Công ty Cổ phần Xi măng Vật liệu Xây dựng Đà Nẵng	Cùng Tổng Công ty Doanh thu bán xi măng	Chi phí mua vật tư sản xuất xi măng	26.305.240.651 13.850.130.080	49.233.041.462 18.207.247.550
Công ty Cổ phần Thương mại Xi măng Cùng Tổng Công ty	Cùng Tổng Công ty Doanh thu bán xi măng		2.762.910.848	11.037.285.800
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	Cùng Tổng Công ty Doanh thu bán xi măng và clinker	Doanh thu gia công xi măng	8.689.047.549	5.918.752.842
		Chi phí mua vật tư sản xuất xi măng	-	1.961.815.663
			311.905.455	359.065.455

(\*) Theo hợp đồng tư vấn, hỗ trợ, chuyển giao bí quyết tiêu thụ sản phẩm, tổ chức và quản lý thị trường ngày 31 tháng 12 năm 2013 và hợp đồng tư vấn, hỗ trợ, chuyển giao bí quyết quản trị doanh nghiệp nhằm tối ưu hóa hiệu quả sản xuất vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 và Phụ lục hợp đồng vào ngày 6 tháng 4 năm 2016, Công ty sẽ trả khoản phí hàng năm theo từng hợp đồng. Trong đó với hợp đồng tư vấn, hỗ trợ, chuyển giao bí quyết tiêu thụ sản phẩm, tổ chức và quản lý thị trường, tổng số tiền được xác định bằng 0,8% doanh thu tiêu thụ xi măng và clinker tự sản xuất và 0,05% doanh thu tiêu thụ xi măng thuê ngoài gia công. Đối với hợp đồng tư vấn, hỗ trợ, chuyển giao bí quyết quản trị doanh nghiệp nhằm tối ưu hóa hiệu quả sản xuất, tổng số tiền được xác định bằng 0,8% doanh thu tiêu thụ xi măng và clinker tự sản xuất và 0,05% doanh thu tiêu thụ xi măng thuê ngoài gia công. Theo đó, Tổng công ty sẽ tư vấn, hỗ trợ và chuyển giao cho Công ty bí quyết quản trị doanh nghiệp nhằm tối ưu hóa hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Công ty và công ty con bán hàng cho các bên liên quan theo mức giá bán niêm yết thông thường trừ đi chiết khấu hàng bán theo chính sách bán hàng của Công ty và công ty con. Công ty và công ty con mua hàng từ các bên liên quan theo mức giá thông thường trên thị trường.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền hoặc cán trừ công nợ. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty và công ty con chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty và công ty con (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 0 VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi kỳ thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan.

## Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 31. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm	Đơn vị tính: VND
<b>Phải thu khách hàng (Thuyết minh số 6.1)</b>					
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	Cùng Tổng Công ty Công ty mẹ	Bán Clinker Bán hàng hóa	28.555.519.995 26.980.441.298	- -	- -
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 Công ty Cổ phần Xi măng Vật liệu Xây dựng Đà Nẵng	Cùng Tổng Công ty Cùng Tổng Công ty	Bán Clinker Bán xi măng	9.557.952.304 5.473.611.912	- 3.469.340.284	- 3.469.340.284
Công ty Cổ phần Vicem Thạch cao Xi măng Công ty Cổ phần Thương mại Xi măng	Cùng Tổng Công ty Cùng Tổng Công ty	Chi phí mua trạm nghiền Quảng Trị và mua nguyên vật liệu Bán xi măng	1.348.494.317	13.314.177.386	13.314.177.386
			<b>71.916.019.826</b>	<b>16.880.952.662</b>	
<b>Trả trước cho người bán (Thuyết minh số 6.2)</b>					
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	Cùng Tổng Công ty	Chi phí gia công xi măng và mua hàng hóa	-	6.317.113.019	6.317.113.019
			<b>6.317.113.019</b>		
<b>Phải thu khác (Thuyết minh số 7)</b>					
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 Công ty TNHH một thành viên Xi măng Vicem Tam Điệp Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	Cùng Tổng Công ty Cùng Tổng Công ty Cùng Tổng Công ty	Phải thu về cho vay nguyên vật liệu Dịch vụ xây lò nung gạch chịu lửa Cho vay gạch chịu lửa	102.986.131 415.186.000 514.242.233	102.986.131	102.986.131
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	Cùng Tổng Công ty	Dịch vụ xây lò nung gạch chịu lửa	275.831.014	-	-
			<b>1.308.245.378</b>	<b>102.986.131</b>	

## Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 31. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Đơn vị tính: VND
<b>Phải trả người bán (Thuyết minh số 14)</b>			Số đầu năm	
Công ty Cổ phần Vicem Vật tư Vận tải Xi măng	Cùng Tổng Công ty	Chi phí mua vật tư sản xuất xi măng	165.611.110.087	157.247.279.424
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bim Sơn	Cùng Tổng Công ty	Mua vỏ bao xi măng	143.582.530.605	123.087.185.803
Công ty TNHH Một thành viên Vicem Tam Điệp	Cùng Tổng Công ty	Phí gia công xi măng	138.399.428.088	93.916.974.888
Công ty Cổ phần Xi măng Hải Vân Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	Cùng Tổng Công ty Công ty mẹ	Chi phí gia công xi măng và mua clinker Chi phí hỗ trợ, chuyển giao bí quyết tiêu thụ sản phẩm và quản trị doanh nghiệp	67.332.403.257 43.029.752.691	12.584.471.823 26.386.597.708
Công ty Cổ phần Vicem Thạch cao Xi măng	Cùng Tổng Công ty	Đóng góp từ thiện, ủng hộ và chi phí khác Mua trạm nghiền Quảng Trị	- 37.914.722.010	6.230.000.000 37.914.722.010
Công ty Tư vấn Đầu tư Phát triển Xi măng	Cùng Tổng Công ty	Chi phí gia công xi măng Chi phí mua nguyên vật liệu sản xuất xi măng Chi phí thăm dò, khảo sát	131.553.174 2.487.874.620 299.215.186	153.100.124 2.434.883.220 1.724.187.000
Viện Công nghệ Xi măng VICEM	Cùng Tổng Công ty	Chi phí hợp đồng đào tạo nâng bậc CNKT sản xuất xi măng năm 2016	372.968.000	-
Công ty TNHH một thành viên Xi măng Hoàng Thạch	Cùng Tổng Công ty	Mua gạch chịu lửa và gạch kiểm tinh	5.322.499.600	-
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bút Sơn	Cùng Tổng Công ty	Mua vỏ bao xi măng	3.025.000.000	1.649.187.000
Công ty TNHH Một thành viên Vicem Xi măng Hoàng Thạch	Cùng Tổng Công ty	Chi phí mua nguyên vật liệu	33.800.000	33.800.000
<b>Người mua trả tiền trước (Thuyết minh số 15)</b>			<b>607.542.857.318</b>	<b>463.362.389.000</b>
Công ty Cổ phần Vicem Thương mại Xi măng	Cùng Tổng Công ty	Tạm ứng mua nguyên vật liệu	163.363.073	-
			<b>163.363.073</b>	-

## Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 31. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm	Đơn vị tính: VND
<b>Chi phí phải trả ngắn hạn</b> (Thuyết minh số 17) Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	Công ty mẹ	Chi phí vỏ bao xi măng	-	4.370.760.013	
<b>Các khoản phải trả khác</b> (Thuyết minh số 18) Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam Công ty Tư vấn Đầu tư Phát triển Xi măng	Cùng Tổng Công ty Công ty mẹ Cùng Tổng Công ty	Chi phí mua clinker và xi măng Thanh lý tài sản giữ hộ Chi phí tư vấn thiết kế dự án Dây chuyền mới	8.093.883.120 1.070.161.050 239.084.546	3.054.889.025	
Công ty Cổ phần Vicem Bao Bì Bim Sơn	Cùng Tổng Công ty	Mua bao bì, vật tư sản xuất	3.539.200		
			<b>9.406.667.916</b>	<b>3.775.681.862</b>	

### Tiền và các khoản tương đương tiền (Thuyết minh số 5)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới ba tháng theo Hợp đồng ủy thác quản lý dòng tiền được ký kết giữa Công ty với Công ty Tài chính Cổ phần Xi măng, một đơn vị thành viên của Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam.

### Các giao dịch với bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)	Đơn vị tính: VND
Lương và thưởng	2.710.529.512	2.296.380.500	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.710.529.512</b>	<b>2.296.380.500</b>	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**32. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước (trình bày lại)</i>
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ	256.671.600.267	272.581.154.310
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(23.920.000.000)
<b>Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ sau điều chỉnh</b>	<b>256.671.600.267</b>	<b>248.661.154.310</b>
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (**)	110.010.054	110.010.054
Ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu thưởng	-	-
<b>Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) được điều chỉnh để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>110.010.054</b>	<b>110.010.054</b>
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>		
- <i>Lãi cơ bản</i>	2.333	2.260
- <i>Lãi suy giảm</i>	2.333	2.260

(\*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trước đây để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm 2015 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 0916/NQ/ĐHĐCĐ2016 ngày 15 tháng 04 năm 2016.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2016 chưa được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của năm 2016 do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông để trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế cho năm hiện tại.

(\*\*) Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm 2015 cũng được trình bày lại để phản ánh ảnh hưởng hồi tố của số cổ tức bằng cổ phiếu được chia trong năm 2016.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**33. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN**

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty và công ty con là sản xuất xi măng và clinker. Doanh thu các sản phẩm từ xi măng và clinker chiếm tỷ trọng khoảng 99,69% tổng doanh thu hợp nhất trong năm. Bên cạnh đó, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

**34. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG**

***Cam kết về chi phí hoạt động***

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, các khoản nợ phải trả trong tương lai theo các hợp đồng mua nguyên vật liệu chính và các chi phí hoạt động khác có giá trị ước tính là 1.062 tỷ đồng Việt Nam.

***Phí cấp quyền khai thác khoáng sản***

Theo Nghị định số 203/2013/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 28 tháng 11 năm 2013, Công ty có nghĩa vụ nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản cho khoáng sản được khai thác từ mỏ đá và mỏ đất sét của Công ty từ ngày 1 tháng 7 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 và đến hết thời hạn trên giấy phép khai khoáng của Công ty. Tuy nhiên, theo Công văn số 723/TTg-KTN ngày 21 tháng 5 năm 2014. Thủ tướng Chính phủ đã giao Bộ Tài nguyên và Môi trường báo cáo trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét việc hồi tố thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản từ ngày 1 tháng 7 năm 2011 đến ngày 20 tháng 1 năm 2014 và hiện tại Ủy ban Thường vụ Quốc hội chưa có ý kiến kết luận chính thức về việc thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản trong giai đoạn từ ngày 1 tháng 7 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013. Trên cơ sở đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty chưa ghi nhận nghĩa vụ nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 7 năm 2011 đến hết năm 2013 trên báo cáo tài chính hợp nhất.

***Thuế tài nguyên***

Công ty và công ty con có nghĩa vụ phải tính và nộp thuế tài nguyên theo hướng dẫn tại Thông tư số 152/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 2 tháng 10 năm 2015 hướng dẫn về thuế tài nguyên ("Thông tư 152") kể từ ngày 20 tháng 11 năm 2015. Theo quy định tại Thông tư này, giá tính thuế tài nguyên được xác định căn cứ vào giá bán (trường hợp tiêu thụ trong nước) hoặc trị giá hải quan (đối với trường hợp xuất khẩu) của sản phẩm công nghiệp bán ra trừ thuế xuất khẩu (nếu có) và chi phí chế biến công nghiệp của công đoạn chế biến từ sản phẩm tài nguyên thành sản phẩm công nghiệp. Cũng theo quy định tại Thông tư 152, chi phí chế biến được xác định phải căn cứ theo hướng dẫn của các Bộ quản lý nhà nước chuyên ngành, Bộ Tài chính và do Sở Tài chính các tỉnh chủ trì, phối hợp với cơ quan thuế, cơ quan tài nguyên môi trường và cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành có liên quan thống nhất xác định trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định. Tuy nhiên, đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty và công ty con chưa nhận được các hướng dẫn chi tiết từ các cơ quan quản lý nhà nước về cách xác định chi phí chế biến và qua đó, để xác định giá tính thuế tài nguyên theo hướng dẫn của Thông tư 152. Do đó, cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty hiện đang áp dụng giá tính thuế theo các quy định của Ủy ban Nhân dân tỉnh Thanh Hóa ban hành theo Quyết định số 1455/2016/QĐ- UBND ngày 28 tháng 4 năm 2016 và Công ty chưa thể xác định được các ảnh hưởng (nếu có) liên quan đến nghĩa vụ thuế tài nguyên phải nộp bổ sung hoặc sẽ được hoàn trả lại từ cơ quan thuế địa phương.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**34. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG (tiếp theo)**

***Khiếu nại***

Từ tháng 5 năm 2016, Công ty Cổ phần Xi măng Miền Trung (“CRC”) đã tạm dừng hoạt động sản xuất kinh doanh do liên quan đến vấn đề đền bù và di dời đối với các hộ dân hiện đang cư trú xung quanh khu vực nhà máy. CRC đang trong quá trình phối hợp với UBND tỉnh Quảng Bình để tìm hướng giải quyết vấn đề và quay lại hoạt động ổn định trong thời gian tới. Ban Tổng Giám đốc cho rằng chưa có đầy đủ cơ sở để trích lập dự phòng cho các khoản chi phí bồi thường, nếu có, cho vụ khiếu nại này tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

**35. TRÌNH BÀY LẠI DỮ LIỆU TƯƠNG ƯNG**

Trong năm 2016, Công ty đã thực hiện điều chỉnh lại một số dữ liệu tương ứng trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 theo kết quả kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước. Chi tiết như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	<i>Số đã được trình bày trước đây</i>	<i>Điều chỉnh</i>	<i>Số trình bày lại</i>
<b>Bảng cân đối kế toán</b>			
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	314.827.155.189	81.400.007	314.908.555.196
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(3.375.796.216)	1.207.764.291	(2.168.031.925)
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(4.204.911.706)	1.531.240.913	(2.673.670.793)
Thuế GTGT được khấu trừ	146.506.756	1.942.862.372	2.089.369.128
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	2.477.481.680	(1.942.862.372)	534.619.308
Tài sản cố định hữu hình, giá trị còn lại	3.900.243.957.284	10.466.787.444	3.910.710.744.728
<i>Nguyên giá</i>	<i>6.816.575.634.000</i>	<i>15.537.600.399</i>	<i>6.832.113.234.399</i>
<i>Giá trị khấu hao lũy kế</i>	<i>(2.916.331.676.716)</i>	<i>(5.070.812.955)</i>	<i>(2.921.402.489.671)</i>
Chi phí trả trước dài hạn	41.043.886.353	(4.209.928.330)	36.833.958.023
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	73.249.469.639	6.778.048.887	80.027.518.526
Chi phí phải trả ngắn hạn	44.328.564.752	(9.855.692.667)	34.472.872.085
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	260.219.546.205	12.154.908.105	272.374.454.310
<b>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</b>			
Giá vốn hàng bán	(3.377.946.800.581)	11.825.654.559	(3.366.121.146.022)
Chi phí bán hàng	(202.590.203.575)	( 2.766.233.941)	(205.356.437.516)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(167.310.459.018)	1.586.975.463	(165.723.483.555)
Thu nhập khác	15.261.312.384	(7.815.625.621)	23.076.938.005
Chi phí khác	(15.859.631.994)	(2.383.362.651)	(18.242.994.645)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	(79.295.899.544)	(3.923.750.946)	(83.219.650.490)
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>	<b>2.722</b>	<b>462</b>	<b>2.260</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**35. TRÌNH BÀY LẠI DỮ LIỆU TƯƠNG ỨNG** (tiếp theo)


Các điều chỉnh đối với báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 chủ yếu là do các nguyên nhân sau:


- ▶ Các kho điều chỉnh đối với báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 chủ yếu là do các nguyên nhân sau:áng 12 năm 2015 thlàm kín đầu lò đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định thay vì ghi nhận là chi phí trả trước.
- ▶ Các khoản điều chỉnh tăng tài sản cố định, giảm giá vốn hàng bán đối với chi phí xây dựng təc chứa tro bay đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định thay vì ghi nhận giá vốn hàng bán.
- ▶ Các khoản điều chỉnh giảm dự phòng hàng tồn kho, giảm giá vốn hàng bán đối với phần dự phòng giảm giá hàng tồn kho không đủ điều kiện trích lập.
- ▶ Các khoản điều chỉnh giảm chi phí phải trả ngắn hạn, giảm giá vốn hàng bán đối với chi phí trích trước nhưng thực tế chưa chi hoặc chưa đủ chứng từ chi tiết.
- ▶ Các khoản điều chỉnh giảm chi phí phải trả ngắn hạn, giảm chi phí giá vốn hàng bán tương ứng với phần giảm trích trước tiền cấp quyền khai thác khoáng sản tại mỏ đá Yên Duyên và Cổ Đam năm 2014 và 2015.
- ▶ Các khoản điều chỉnh giảm dự phòng phải thu khó đòi, giảm chi phí quản lý doanh nghiệp đối với phần dự phòng phải thu khó đòi không đủ điều kiện trích lập.
- ▶ Các khoản điều chỉnh tăng chi phí bán hàng, tăng thuế phải trả tương ứng với khoản thuế GTGT đầu ra của chương trình khuyến mại không đúng quy định
- ▶ Điều chỉnh tăng thuế thu nhập doanh nghiệp do ảnh hưởng của các điều chỉnh đối với doanh thu, chi phí nêu trên.


Một số dữ liệu tương ứng trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng được trình bày lại do ảnh hưởng của các điều chỉnh nêu trên.

**36. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN NĂM**

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con.

  
\_\_\_\_\_  
Người lập  
Phạm Thị Thu Hương

  
\_\_\_\_\_  
Kế toán trưởng  
Lê Huy Quân

  
\_\_\_\_\_  
Tổng Giám đốc  
Ngô Sỹ Túc



Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2017